

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HSST

Ngày 16/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Lê Văn Khiết.

****Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Lãnh Văn Việt.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

**** Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông Vũ Hữu Thơ.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2022/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lục Văn L, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không.

Sinh, trú quán: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 7/12; Họ tên bố: Lục Văn K, sinh năm 1977; Họ tên mẹ: Lý Thị T, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có hai chị em ruột, bản thân là thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 07/9/2012, Chủ tịch UBND huyện L quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng đối với Lục Văn L, thời hạn 24 tháng. Ngày 10/9/2014, Lục Văn L chấp hành xong quyết định về địa phương.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt

***Bị hại:**

Anh Chung Văn P, sinh năm: 1998; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Chung Văn G, sinh năm: 1996. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Mai Văn T, sinh năm: 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Phố B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 13/5/2022, Lục Văn L, sinh năm 1998, trú tại Thôn Q, xã P, huyện L, đến nhà anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã P, huyện L chơi. Khoảng 09 giờ cùng ngày anh Chung Văn P, sinh năm 1998, trú tại Thôn Q, xã P, huyện L đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng – đen, biển số 98E1-716.21 (Chiếc xe này là do anh P mượn của anh trai là anh Chung Văn G, sinh năm 1996, trú tại Thôn Q, xã P, huyện L) và anh Trương Văn Đ, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã P, huyện L cũng đến nhà anh V chơi, thì gặp L ở đây. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Lục Văn L hỏi mượn anh Chung Văn P mượn chiếc xe mô tô biển số 98E1-716.21 nói là để đi mua đồ. Anh P đồng ý cho L mượn chiếc xe trên. L lấy xe chiếc xe mô tô biển số 98E1-716.21 để ở sân, điều khiển đi ra chợ xã P để mua thức ăn. Tại đây, L mở cốp xe ra thì thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc túi xách màu trắng (không có nhãn hiệu), bên trong túi có 01 giấy đăng ký xe biển số 98E1-716.21 mang tên anh Chung Văn G, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô; 03 thẻ ATM mang tên anh Chung Văn G và chị Lý Thị H, sinh năm 1998 (vợ anh G), 01 thẻ căn cước công dân mang tên chị Lý Thị H. Thấy có đăng ký xe nên Lục Văn L nảy sinh ý định mang chiếc xe đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. L điều khiển chiếc xe mô tô đến nhà anh Mai Văn T, sinh năm 1978, trú tại Phố B, xã B, huyện L để cầm cố. Khoảng 13 giờ cùng ngày, L đi đến nhà Anh T nói muốn cầm cố chiếc xe biển số 98E1-716.21 cho Anh T, Anh T hỏi tên và nguồn gốc, giấy tờ xe. Do sợ bị lộ nên L nói dối tên là Chung Văn P và nói chiếc xe trên là của anh trai, đồng thời đưa giấy đăng ký xe cho Anh T xem. Anh T đồng ý nhận cầm cố chiếc xe biển số 98E1-716.21 với giá 10.000.000đ, hạn 7 đến 10 ngày sau thì chuộc xe, nếu L không chuộc xe thì coi như L đã bán chiếc xe cho Anh T. Sau đó Anh T viết giấy cầm cố vào mẫu giấy “Hóa đơn thanh toán” đề ngày 13/5/2022 rồi đưa tiền và 01 tờ giấy cầm cố cho L, Anh T giữ lại một giấy “Hóa đơn thanh toán”. L giao xe và giấy đăng ký xe cho Anh T, còn túi xách và 03 thẻ ATM, 01 căn cước công dân, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô, L vẫn để trong cốp xe. Sau đó Lục Văn L đi bộ về nhà, số tiền cầm cố xe có được Lục Văn L đã chi tiêu hết và không có khả năng trả lại cho anh P.

Quá trình điều tra, Lục Văn L còn khai nhận, ngoài hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh Chung Văn P vào ngày 13/5/2022, trước đó L còn cùng với đối tượng tên là T, sinh năm 1991, trú tại xã T, huyện L dùng 01 mỏ lết nhãn hiệu FORGED, STEEL màu bạc bằng kim loại, loại 18”-450mm để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Trạm phát sóng Viettel - thuộc Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel đặt tại xã P và xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang cụ thể:

- Ngày 10/5/2022: L và T trộm cắp 09 chiếc tăng lơ tại 3 vị trí điểm chân kéo cáp của trạm phát sóng Viettel BGG-0222; 02 chiếc thang sắt để trèo lên cột sóng và 4 thanh kim loại của cột sóng tại xã P, huyện Lục Ngạn.

- Ngày 12/5/2022: L và T trộm cắp 10 chiếc tăng lơ tại các vị trí lắp đặt kéo cáp của cột sóng tại Trạm phát sóng Viettel BGG-0086 đặt tại thôn Đồng Phú, xã K, huyện L.

Sau khi thực hiện trộm cắp tài sản 2 ngày nêu trên, ngày 13/5/2022, L mới có hành vi lạm dụng tín nhiệm tài sản như đã nêu ở trên. Khi mượn được xe, L đã cắt giấu mỗ lết vào cốp xe của anh P. Sau đó L mang xe đến cầm cố cho Anh T và vẫn để mỗ lết trong cốp xe.

Sau khi cho Lục Văn L mượn xe, anh Chung Văn P đợi L về trả xe nhưng không thấy L đến trả xe nên đã báo cho anh Chung Văn G biết. Ngày 17/5/2022, anh Chung Văn G đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã P, huyện Lục Ngạn đề nghị giải quyết.

Cùng ngày 17/5/2022, Anh T đã giao nộp cho Công an xã P 01 chiếc xe mô tô biển số 98E1-716.21; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 98E1-716.21; giấy “Hóa đơn thanh toán” đề ngày 13/5/2022; 01 túi xách màu trắng không có nhãn hiệu; 01 mỗ lết nhãn hiệu FORGED, STEEL màu bạc bằng kim loại, loại 18”-450mm (BL 183). Còn 03 thẻ ATM và 1 thẻ căn cước công dân, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô, Anh T khai khi nhận xe từ L thì không kiểm tra tài sản khác trong cốp xe nên không biết có các giấy tờ này hay không. Anh T đã tìm kiếm tại cửa hàng nhưng không thấy các giấy tờ, đồ vật trên. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để thu giữ các giấy tờ, tài liệu trên.

Ngày 19/5/2022, Lục Văn L đã đến Công an xã P đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Cùng ngày, Công an xã P để chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/5/2022 và 16/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ban hành yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô biển số 98E1-716.21 và 01 túi xách màu trắng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng – đen, biển số 98E1-716.21 trị giá ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 19.200.000đ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 16/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 chiếc túi xách màu trắng, không có nhãn hiệu trị giá 100.000đ.

Đối với hành vi của anh Mai Văn T nhận cầm cố tài sản của Lục Văn L nhưng Anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên Anh T có hành vi nhận cầm cố tài sản của người khác không thuộc ngành nghề kinh doanh được cấp cho hộ gia đình Anh T theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 20D8008420 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 12/3/2019. Ngày 14/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã có Tờ trình số 541/TTR-CALNg đề nghị Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn xử phạt vi phạm hành chính đối với Mai Văn T theo quy định.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 23/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản gồm 01 xe mô tô biển số 98E1-716.21, 01 túi xách màu trắng, 01 giấy chứng nhận

đăng ký xe mô tô biển số 98E1-716.21 cho chủ sở hữu là anh Chung Văn G. Anh G đã nhận lại tài sản trên. Đối với 03 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân, anh G đã làm lại và không có yêu cầu đề nghị khác. Anh Mai Văn T đề nghị Lục Văn L phải bồi thường cho anh số tiền 10.000.000đ.

Ngày 28/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã quyết định tách hành vi trộm cắp tài sản tại xã P và xã K, huyện L xảy ra vào các ngày 10/5/2022 và 12/5/2022 và vật chứng là 01 mỏ lết nhãn hiệu FORGED, STEEL màu bạc bằng kim loại, loại 18"-450mm là vật chứng trong 02 vụ việc trên để chuyển đến Cơ quan điều tra hình sự khu vực 11 thuộc Quân khu I và các tổ chức sự nghiệp – Bộ Quốc Phòng để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT-VKS -HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Lục Văn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà ngày hôm nay, bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận giám định và thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại chỉ không đề nghị bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn T đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo nhất trí.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề xuất ý kiến xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lục Văn L từ 12 đến 18 tháng tù về tội tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/5/2022. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000đ cho anh Mai Văn T.

* Án phí: Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Miễn án phí cho bị cáo

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 292; Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những cứ khác đã có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 10 giờ ngày 13/5/2022, tại nhà anh Nguyễn Văn V ở thôn T, xã P, huyện L, Lục Văn L đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng – đen, biển số 98E1-716.21 trị giá 19.200.000đ, bên trong cốp xe có 01 túi xách màu trắng trị giá 100.000đ và 01 đăng ký xe, 03 thẻ ATM, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô của anh Chung Văn P nói để đi mua đồ. Sau khi mượn được xe, Lục Văn L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên mang đi cầm cố cho anh Mai Văn T được số tiền 10.000.000đ, sau đó không có khả năng trả lại xe cho anh P. Tổng giá trị tài sản Lục Văn L chiếm đoạt là **19.300.000đ**. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm, gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân, chỉ vì mục đích cần tiền chi tiêu cá nhân mà bị cáo đã mượn xe của bị hại, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang tàn sản đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần thiết phải lên một bản án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh và các vấn đề liên quan đến vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn diện hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Văn T đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do bị cáo nói dối Anh T về tên của mình nên Anh T tin tưởng đã nhận cầm chiếc xe mà bị cáo L mang đến và đã đưa cho bị cáo L 10.000.000 đồng, số tiền nay bị cáo chưa trả Anh T nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Anh T. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và anh Mai Văn T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý xong nên không xem xét tại phiên tòa.

[8] Về án phí và tiền phạt bổ sung: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cần miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Như vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về án phí và hình phạt bổ sung là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử phạt bị cáo Lục Văn L 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/5/2022. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lục Văn L phải bồi thường cho anh Mai Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSDN tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Khiết

Lê Văn Khiết